

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 3409 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình: Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp; Công văn số 9070/UBND-CN ngày 03/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh TMĐT dự án Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4544/SXD-HĐXD ngày 22/8/2017 về phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp; của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1129/TTr-STP đề ngày 09/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Khái quát về dự án

Công trình Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 với tổng mức đầu tư là 1.329.573.000 đồng, từ nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản (sự nghiệp chi quản lý hành chính) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016. Hiện tại, dự án đã thi công hoàn thành các hạng mục xây dựng chờ bàn giao đưa vào sử dụng, khối lượng còn lại gồm nội dung sửa chữa, bảo dưỡng thay thế thiết bị thang máy.

2. Lý do điều chỉnh

Theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh với chi phí xây dựng là 1.211.915.416 đồng, trong đó chi phí bảo dưỡng, thay thế thiết bị thang máy được tạm tính là 40.000.000 đồng (chưa VAT). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, thang máy đã hư hỏng, việc bổ sung chi phí bảo dưỡng, thay thế thiết bị thang máy là cần thiết; của Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 9070/UBND-CN ngày 03/8/2017 về việc điều chỉnh TMĐT dự án Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp.

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Bổ sung kinh phí mua sắm thiết bị hạng mục bảo dưỡng, thay thế thiết bị thang máy, gồm: Cáp kéo cabin, bộ máy, động cơ, tủ điện, mất thần, guốc dẫn hướng ...

3.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **1.603.020.000 đồng**; trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	1.160.735.000 đồng;
+ Chi phí thiết bị:	272.827.500 đồng;
+ Chi phí QLDA:	36.183.118 đồng;
+ Chi phí tư vấn ĐTXD:	96.984.686 đồng;
+ Chi phí khác:	15.228.690 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	21.061.200 đồng.

(Có phụ lục chi tiết TMĐT điều chỉnh kèm theo).

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Tư pháp.

Điều 2. Sở Tư pháp (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

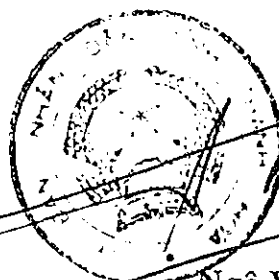
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN. (M8.12)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, CẢI TẠO TRỤ SỞ LÀM VIỆC SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 11/19/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 04/02/2016	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Tăng (+) Giảm (-)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G _{XD}		1.211.915.416	1.160.735.000	-51.180.416
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	G _{TB}	Theo chứng thu thẩm định giá	0	272.827.500	272.827.500
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G _{QLDA}	2,524% x (G _{XD} +G _{TB}) Trước VAT	27.807.950	36.183.118	8.375.168
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	G _{TV}	1+...+8	84.779.000	96.984.686	12.205.686
1	Chi phí lập BC KTKT		3,6% x (G _{XD}) Trước VAT	43.628.955	43.628.955	0
2	Chi phí thẩm tra thiết kế		Mức tối thiểu	2.200.000	2.200.000	0
3	Chi phí thẩm tra dự toán		Mức tối thiểu	2.200.000	2.200.000	0
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp		0,337% x (G _{XD}) Trước VAT	4.900.986	4.900.986	0
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị		0,287% x (G _{TB}) Trước VAT	0	783.015	783.015
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng		3,285% x (G _{XD}) Trước VAT	31.849.137	38.130.145	6.281.008
7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		0,675% x (G _{TB}) Trước VAT	0	1.841.586	1.841.586
8	Chi phí thẩm định giá		Theo HĐ: 0606/2017/HĐ-TĐG/VTA		3.300.000	3.300.000
V	CHI PHÍ KHÁC			5.071.000	15.228.690	10.157.690
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán		0,950% x TMDT	5.071.000	15.228.690	10.157.690
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		5,00% x (G _{TB} +G _{QLDA} +G _{TV} +G _K)	0	21.061.200	21.061.200
	TỔNG CỘNG (Làm tròn)			1.329.573.000	1.603.020.000	273.447.000

(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm linh ba triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng./.)